TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
1	Phạm Nguyễn Vĩ	An	21126270	11/08/2003	5.90	9.10	5.00	8.60	7.30	7.20	x
2	Phan Duy	An	21112010	12/11/2003	7.40	7.60	1.10	9.10	8.40	6.70	
3	Lê Nguyễn Tường	An	20149125	10/02/2002	5.20	6.30	3.50	6.30	6.30	5.50	
4	Nguyễn Duy	An	18126001	23/06/2000	5.00	5.00	3.50	7.60	7.60	5.70	
5	Nguyễn Thị Thúy	An	18145001	08/07/2000	5.60	0.00	0.00	0.00	6.00	2.30	
6	Nguyễn Thúy	An	20125001	09/05/2002	6.30	9.10	5.60	8.10	7.90	7.40	x
7	Phạm Nguyễn Thùy	An	22115002	06/06/2004	3.90	7.60	4.30	6.90	0.00	4.50	
8	Võ Ngọc Phúc	An	21111182	21/06/2003	6.30	6.50	3.80	8.50	7.10	6.40	
9	Lê Thị Kim	Anh	21117059	21/11/2003	6.40	9.10	8.60	7.90	6.80	7.80	x
10	Lê Thị Trâm	Anh	14124008	23/10/1996	5.50	7.10	5.40	7.10	8.10	6.60	x
11	Nguyễn Hà	Anh	21112380	01/07/2003	7.40	6.60	1.90	9.10	7.90	6.60	
12	Nguyễn Kiều Thảo	Anh	22112015	18/03/2004	6.80	8.90	8.10	7.90	8.90	8.10	x
13	Nguyễn Lan	Anh	21126009	21/02/2003	5.00	6.10	5.00	7.40	6.60	6.00	x
14	Nguyễn Nhựt	Anh	20139175	10/04/2002	6.40	8.60	4.10	8.60	8.80	7.30	
15	Nguyễn Phúc Vân	Anh	20139176	31/10/2002	7.20	7.90	6.90	5.90	7.00	7.00	x
16	Đinh Nguyễn Hoàng	Anh	21120009	10/08/2003	6.90	7.50	6.80	8.00	9.40	7.70	x
17	Phan Bảo	Anh	19112008	03/05/2001	6.90	8.60	9.60	8.10	6.60	8.00	x
18	Trần Hoàng	Anh	21154123	13/12/2003	4.50	1.90	0.90	6.00	1.60	3.00	
19	Trần Thị	Anh	21155061	15/07/2003	4.10	5.00	1.50	6.30	7.10	4.80	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
20	Trần Thị Kim	Anh	21129551	28/10/2003	6.40	3.60	6.40	8.60	8.10	6.60	
21	Trần Tuấn	Anh	21113145	20/06/2003	7.90	8.50	7.00	7.80	6.00	7.40	x
22	Võ Hoàng Ngọc	Anh	20155082	25/02/2002	4.60	7.60	6.60	8.90	5.00	6.50	
23	Aty	Aty	19113196	15/10/2001	3.80	5.00	0.00	5.00	5.00	3.80	
24	Trần Hồng	Ánh	20125326	06/03/2002	6.10	8.10	6.60	7.60	6.00	6.90	x
25	Vũ Ngọc	Ánh	21149120	07/09/2003	6.10	7.00	7.00	9.50	6.30	7.20	x
26	Hồ Thị Y	Băng	21145008	03/08/2003	6.20	5.50	6.00	7.80	8.10	6.70	x
27	Đào Tiểu	Băng	19128014	23/04/2001	7.10	6.60	5.00	9.10	6.90	6.90	x
28	Võ Lê	Bách	20122248	17/10/2002	5.20	7.10	6.60	9.10	6.50	6.90	x
29	Hà Trần Quốc	Bảo	20149004	21/10/2002	7.50	9.00	7.80	6.80	8.50	7.90	x
30	Nguyễn Gia	Bảo	20149132	01/06/2002	7.40	7.90	5.00	6.80	8.10	7.00	x
31	Lê Thị	Bình	18149008	24/04/2000	5.40	6.00	6.00	5.50	7.50	6.10	x
32	Nguyễn Thanh	Bình	21132023	31/05/2003	5.60	7.50	4.30	9.50	5.50	6.50	
33	Nguyễn Thị Xuân	Bình	22122028	10/10/2004	7.30	6.50	5.00	9.50	6.00	6.90	x
34	Trịnh Thị Thanh	Bình	21122026	04/10/2003	6.50	6.30	5.00	7.30	2.80	5.60	
35	Hồ Ngọc Hoàn	Châu	18155007	02/08/2000	5.60	6.10	5.00	7.10	5.00	5.80	x
36	Huỳnh Thị Minh	Châu	22117004	28/02/2004	6.40	6.00	2.00	8.50	6.10	5.80	
37	Nguyễn Thị Kiều	Châu	20111174	29/03/2002	6.70	6.90	5.00	6.30	7.60	6.50	x
38	Phạm Bích	Châu	21129572	07/08/2003	5.60	9.10	6.00	8.60	5.50	7.00	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
39	Trần Kiều	Châu	22129022	08/01/2004	6.20	9.30	6.10	5.50	7.00	6.80	x
40	Trịnh Thị Minh	Châu	22111017	30/01/2004	5.30	5.00	5.00	5.80	6.00	5.40	x
41	Nguyễn Thị Kim	Chi	20113211	21/02/2002	6.40	8.10	3.60	9.10	5.00	6.40	
42	Nguyễn Thị Linh	Chi	22139008	26/04/2004	7.10	5.60	5.60	7.90	7.50	6.70	x
43	Nguyễn Tường Lan	Chi	20112195	11/11/2002	6.20	9.10	7.90	8.40	6.30	7.60	x
44	Trần Bảo	Chi	20126195	01/02/2002	8.10	5.60	6.40	9.10	6.30	7.10	x
45	Bùi Hữu	Chí	19117008	19/06/2001	3.70	1.40	2.90	0.00	5.60	2.70	
46	Vương Quốc Viết	Chí	17153010	08/01/1993	5.40	6.40	2.10	0.00	2.10	3.20	
47	Nguyễn Minh	Chiến	20139181	11/11/2002	6.80	5.50	6.50	9.00	6.90	6.90	x
48	Nguyễn Nhật	Chưởng	20124274	13/08/2001	5.90	6.50	5.50	7.00	3.50	5.70	
49	Bùi Lâm Duy	Chuẩn	20163014	03/08/2002	6.40	9.00	6.00	9.00	5.00	7.10	x
50	Trương Văn	Chung	21154135	02/05/2003	6.30	9.30	0.90	6.50	6.00	5.80	
51	Nguyễn Chí	Cường	18112030	07/06/2000	6.60	5.00	1.90	5.60	7.30	5.30	
52	Trần Mạnh	Cường	21139245	27/09/2003	6.90	7.00	5.30	9.00	7.30	7.10	x
53	Bùi Thị	Cúc	22122032	04/11/2004	6.10	6.00	6.00	7.40	5.50	6.20	x
54	Phan Xuân	Danh	21124314	01/01/2003	3.50	0.00	0.00	0.00	0.00	0.70	
55	Huỳnh Văn	Dàu	20113222	15/05/2002	6.20	5.50	3.50	5.30	8.50	5.80	
56	Lê Thị Ngọc	Diễm	19131005	24/10/2001	5.90	7.60	6.00	8.10	5.50	6.60	x
57	Mang Thị Kiều	Diễm	22120022	12/09/2004	6.30	5.50	5.00	3.50	6.00	5.30	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
58	Nguyễn Triệu Ngọc	Diễm	22139010	15/11/2004	6.40	5.90	5.00	7.60	7.10	6.40	x
59	Huỳnh Thị	Diệu	21126032	05/12/2003	5.80	7.10	5.90	7.10	5.00	6.20	x
60	Nguyễn Hoàng Kỳ	Diệu	20121016	28/11/2002	6.60	8.10	5.60	8.10	5.00	6.70	x
61	Phan Thị Kim	Diệu	18128027	27/03/2000	6.30	7.30	6.50	7.80	5.00	6.60	x
62	Thiên Sanh	Doãn	21138106	20/05/2003	6.00	7.50	5.00	7.50	7.30	6.70	x
63	Lê Thị Thùy	Dương	20112210	29/05/2002	6.80	9.00	6.00	8.50	7.00	7.50	x
64	Đinh Vũ Kỳ	Dung	20126220	05/09/2002	6.60	6.60	5.90	6.60	6.50	6.40	x
65	Huỳnh Quốc	Dũng	19118043	10/06/2001	7.40	5.30	4.00	7.40	5.00	5.80	
66	Lê Quang Trí	Dũng	21125598	27/08/2003	4.60	8.60	3.40	6.60	1.10	4.90	
67	Huỳnh Khánh	Duy	19118049	13/02/2001	5.30	3.50	2.40	5.00	5.50	4.30	
68	Lê Phương	Duy	20122283	07/11/2002	7.60	8.50	8.00	9.00	5.00	7.60	x
69	Nguyễn Thái	Duy	20138081	21/12/2002	6.90	7.00	5.80	2.80	7.40	6.00	
70	Nguyễn Thế	Duy	20145106	02/01/2002	6.40	5.90	3.90	6.90	6.30	5.90	
71	Nguyễn Văn	Duy	20122285	11/07/2002	5.00	8.10	4.10	5.00	6.60	5.80	
72	Lâm Thị Mỹ	Duyên	22129049	09/10/2004	4.40	8.10	6.30	8.10	3.00	6.00	
73	Lê Huỳnh	Duyên	22129050	12/05/2004	5.70	2.80	8.00	6.50	6.80	6.00	
74	Lê Thị Mỹ	Duyên	20122288	08/10/2002	4.90	0.00	0.00	0.00	0.00	1.00	
75	Nguyễn Phan Kỳ	Duyên	20128170	19/01/2002	6.00	7.50	9.00	6.50	7.00	7.20	x
76	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22145018	20/03/2004	6.60	6.00	5.00	7.50	6.50	6.30	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
77	Nguyễn Thị Thuỳ	Duyên	19138016	12/02/2001	5.30	9.10	3.60	6.60	7.10	6.30	
78	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	19111027	16/08/2001	4.70	0.00	1.50	0.00	6.80	2.60	
79	Ngô Thị Huỳnh	Giang	21125526	13/04/2003	6.00	5.00	6.00	8.10	7.10	6.40	x
80	Trần Thị Cẩm	Giang	22139014	25/10/2004	6.90	6.50	4.00	6.00	5.00	5.70	
81	Hà Văn	Giao	14118149	22/12/1996	5.40	8.10	6.10	5.00	5.00	5.90	x
82	Hồ Thị Ngọc	Hân	22126049	18/07/2004	6.70	5.50	5.00	6.50	5.00	5.70	x
83	Đặng Ngọc Mai	Hân	21155088	13/09/2003	5.30	9.10	4.10	9.10	6.80	6.90	
84	Nguyễn Lý Gia	Hân	20124307	11/09/2002	3.70	6.00	5.30	6.80	7.80	5.90	
85	Nguyễn Ngọc	Hân	20135060	25/05/2002	6.30	5.00	5.00	7.60	6.10	6.00	x
86	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	20111187	18/06/2002	6.40	8.40	7.90	6.60	7.60	7.40	x
87	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	22125065	28/03/2004	6.00	7.30	4.00	5.50	7.50	6.10	
88	Phùng Thị Ngọc	Hân	19126042	04/01/2001	8.80	6.80	5.00	7.40	7.30	7.10	x
89	Trần Ngọc	Hân	20112224	30/05/2002	6.80	7.50	5.30	9.00	6.00	6.90	x
90	Đặng Chánh	Hậu	20118156	15/08/2002	6.30	8.10	6.30	6.00	5.80	6.50	x
91	Nguyễn Trình	Hậu	20125402	03/09/2002	8.30	9.10	8.90	7.90	8.80	8.60	x
92	Trần Thị Hải	Hậu	20112228	17/06/2002	8.40	7.60	7.60	9.10	8.30	8.20	x
93	Vũ Quang	Hậu	20138084	23/11/2002	6.60	7.00	6.50	7.50	5.00	6.50	x
94	Hoàng Thiên	Hằng	19117016	10/10/2001	6.40	6.30	6.00	8.40	5.00	6.40	x
95	Lâm Thanh	Hằng	19139035	11/09/2001	6.40	8.40	7.90	6.60	5.00	6.90	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
96	Nguyễn Lê Thanh	Hằng	22135035	23/07/2004	4.90	1.90	2.40	9.00	6.90	5.00	
97	Hoàng Nữ Nhật	Hạ	22120042	20/06/2004	7.60	6.00	6.80	6.00	5.00	6.30	x
98	Huỳnh Ngô Hồng	Hạnh	22129071	23/10/2004	8.30	8.50	6.50	7.80	5.60	7.30	x
99	Lê Nguyên	Hạnh	21112440	14/07/2003	6.20	6.80	3.00	2.40	3.00	4.30	
100	Nguyễn Ngọc	Hạnh	22122087	02/06/2004	5.80	5.00	3.10	8.10	5.00	5.40	
101	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	22115024	25/04/2004	7.00	7.10	6.60	8.10	6.00	7.00	x
102	Nguyễn Thị	Hà	20128173	15/02/2002	7.30	7.00	7.30	9.00	2.00	6.50	
103	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	20125386	23/06/2002	5.50	7.10	5.50	6.50	6.80	6.30	x
104	Võ Duy	Hà	15154019	16/04/1997	4.80	2.10	2.40	5.90	6.10	4.30	
105	Võ Thới Anh	Hào	21111239	08/07/2003	3.20	0.00	0.00	0.00	5.50	1.70	
106	Vũ Anh	Hào	20154122	14/09/2002	7.40	6.50	3.50	8.00	6.90	6.50	
107	Nguyễn Văn	Hải	20120184	18/12/2002	3.70	0.00	0.00	0.00	5.60	1.90	
108	Nguyễn Ngọc Hảo	Hảo	20155096	02/11/2002	6.40	7.60	5.00	9.10	5.00	6.60	x
109	Lê Nguyễn Thanh	Hiền	22124060	25/04/2004	4.90	5.00	4.10	7.60	5.00	5.30	
110	Lê Vũ Thu	Hiền	21135274	25/05/2003	4.90	0.00	1.90	1.40	1.90	2.00	
111	Nguyễn Kim	Hiền	21139286	19/12/2003	6.50	7.40	7.10	6.30	5.50	6.60	x
112	Phạm Thu	Hiền	22135038	25/03/2004	5.90	6.50	5.50	7.40	7.30	6.50	x
113	Trần Thị Mai	Hiên	22122100	22/07/2004	5.30	9.10	7.10	7.60	5.00	6.80	x
114	Thuận Thị Kim	Hiện	21123183	08/06/2002	5.90	6.30	3.50	5.80	5.50	5.40	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
115	Nguyễn Thị	Hiệp	18126047	12/05/2000	4.90	0.00	0.00	0.00	0.00	1.00	
116	Nguyễn Thị Thúy	Hiệp	22126057	14/01/2004	5.80	5.00	5.00	0.00	7.00	4.60	
117	Trần Văn	Hiệp	20139214	06/05/2002	4.70	0.00	0.00	0.00	0.00	0.90	
118	Bùi Thị Thanh	Hiếu	21124353	10/09/2003	7.40	8.60	3.80	9.10	6.30	7.00	
119	Huỳnh Ngọc	Hiếu	19112063	11/04/2001	5.60	7.00	6.50	5.00	6.50	6.10	x
120	Nguyễn Ngọc	Hiếu	21126060	26/04/2003	7.90	6.50	5.50	7.10	8.10	7.00	x
121	Nguyễn Thanh	Hiếu	21125109	07/04/2003	6.10	10.00	7.90	7.60	10.00	8.30	x
122	Nguyễn Thanh	Hiếu	21120386	04/03/2003	5.80	7.30	6.00	7.80	6.00	6.60	x
123	Nguyễn Văn	Hiếu	20122316	05/04/2002	6.40	6.50	5.50	6.80	5.00	6.00	x
124	Đỗ Đức	Hiếu	21122552	04/09/2003	7.10	1.90	3.00	8.00	6.90	5.40	
125	Trần Thị Huỳnh	Hoa	17139049	26/07/1999	6.90	7.10	8.60	9.60	5.60	7.60	x
126	Dương Thị Thúy	Hồng	22128057	24/08/2004	4.30	5.30	1.90	2.60	6.30	4.10	
127	Đặng Thị Thuý	Hồng	21155096	22/10/2003	7.30	6.50	6.50	9.00	8.60	7.60	x
128	Nguyễn Thị Xuân	Hồng	19125514	01/01/2001	6.70	6.00	5.00	5.00	8.40	6.20	x
129	Phạm Thị	Hồng	22122121	17/04/2004	6.40	6.30	5.50	7.40	8.90	6.90	x
130	Nguyễn Thị Ngọc	Hoài	22124068	15/10/2004	5.90	5.60	2.60	9.10	7.00	6.00	
131	Lăng Ngọc	Hoàng	19118072	02/04/2001	3.70	5.00	4.10	0.00	6.10	3.80	
132	Lý Minh	Hoàng	16138035	27/09/1998	6.50	7.60	7.90	7.10	5.00	6.80	x
133	Nguyễn Bảo Ngọc	Hoàng	21153132	21/04/2003	6.10	5.90	5.40	7.90	6.60	6.40	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
134	Nguyễn Huy	Hoàng	20116035	18/09/2002	7.20	7.60	6.90	8.10	5.80	7.10	x
135	Nguyễn Minh	Hoàng	21154183	10/01/2003	6.20	5.50	6.00	6.50	6.00	6.00	x
136	Nguyễn Tiến	Hoàng	15113164	19/06/1997	3.50	0.00	0.00	0.00	0.00	0.70	
137	Trần Huy	Hoàng	21153134	19/11/2003	7.40	8.60	8.10	7.40	7.40	7.80	x
138	Trần Ngọc	Hoàng	21155094	05/06/2003	5.90	6.00	5.00	8.10	7.10	6.40	x
139	Nguyễn Đức	Hưng	20124327	18/12/2002	6.90	8.30	7.80	8.00	5.90	7.40	x
140	Võ Tấn	Hưng	21111050	21/03/2003	7.40	5.60	4.40	7.40	5.00	6.00	
141	Lê Hoàng An	Hòa	21154176	12/11/2003	5.50	6.00	3.50	9.00	4.00	5.60	
142	Nguyễn Phúc	Hòa	18153024	17/07/2000	7.60	7.60	6.60	8.10	5.00	7.00	x
143	Phan Thị Thanh	Hòa	14122040	12/12/1996	5.20	5.00	5.60	5.00	5.00	5.20	x
144	Trương Thị	Hòa	21149020	06/06/2003	6.00	6.90	6.80	6.90	6.00	6.50	x
145	Lê Thị Hồng	Hương	22128064	08/02/2004	6.10	6.00	6.00	10.00	6.00	6.80	x
146	Nguyễn Hà Thu	Hương	19120073	02/06/2001	5.90	7.50	5.00	5.80	3.50	5.50	
147	Nguyễn Thị Xuân	Hương	15139048	08/04/1996	6.30	7.50	5.00	7.50	7.10	6.70	x
148	Phạm Mai	Hương	20139225	01/07/2002	5.30	9.40	8.10	7.40	8.10	7.70	x
149	Phan Thị Quỳnh	Hương	21129678	12/11/2003	5.90	9.60	7.90	8.10	8.90	8.10	x
150	Trần Ngọc Huỳnh	Hương	21123355	12/10/2003	5.40	8.10	3.00	7.40	5.50	5.90	
151	Trần Thị Thiên	Hương	19113058	03/01/2001	6.00	5.00	3.40	6.10	6.50	5.40	
152	Trần Thị Việt	Hương	18112078	21/04/2000	7.90	8.10	8.60	9.60	7.00	8.20	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
153	Dương	Hóa	22155039	26/01/2004	6.90	8.50	8.00	8.00	7.60	7.80	x
154	Vỏ Văn	Hóa	14113063	12/04/1996	7.80	7.10	5.00	9.60	3.10	6.50	
155	Phan Thị Hồng	Huệ	22123195	05/03/2003	6.70	8.90	6.40	7.40	7.10	7.30	x
156	Dương Đình	Hùng	19115041	27/01/2001	5.60	9.10	6.40	8.60	7.60	7.50	x
157	Nguyễn Thái	Hùng	22122125	28/03/2004	6.90	5.00	5.50	8.30	8.40	6.80	x
158	Đinh Việt	Hùng	20122326	12/10/2002	4.70	7.10	5.50	6.90	5.50	5.90	
159	Trịnh Xuân	Hùng	16112568	04/07/1998	6.50	8.10	6.30	8.10	5.00	6.80	x
160	Võ Phi	Hùng	20153084	15/09/2002	7.10	5.60	5.00	9.60	7.30	6.90	x
161	Huỳnh Quang	Huy	21145151	25/07/2003	7.40	6.90	6.60	6.60	8.00	7.10	x
162	Nguyễn Đức	Huy	22149024	28/09/2004	6.10	7.10	5.00	8.60	5.50	6.50	x
163	Phan Hà	Huy	21154192	25/10/2003	5.80	6.50	6.00	9.00	5.00	6.50	x
164	Phan Lê Ngọc	Huy	20118175	14/05/2002	3.70	0.00	0.60	0.00	0.00	0.90	
165	Trần Gia	Huy	20138089	26/12/2002	7.10	7.00	3.50	9.00	7.00	6.70	
166	Trần Gia	Huy	21133092	25/12/2003	3.30	0.00	0.00	0.00	0.00	0.70	
167	Chế Trần Thanh	Huyền	20122202	11/03/2002	5.10	8.40	1.90	8.40	6.00	6.00	
168	Lai Thị Thu	Huyền	17164023	22/04/1998	4.90	5.50	4.00	6.00	5.00	5.10	
169	Lê Thị	Huyền	22122134	27/04/2004	7.40	6.80	5.00	9.10	6.10	6.90	x
170	Liêu Thị Mỹ	Huyền	20115212	21/04/2002	4.00	8.90	2.10	7.90	5.60	5.70	
171	Nguyễn Thanh	Huyền	21123235	01/05/2003	5.80	8.30	7.50	7.80	5.60	7.00	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
172	Trương Thị Minh	Huyền	22120066	27/04/2004	4.30	5.80	3.50	6.50	7.10	5.40	
173	Lâm Thị Ngọc	Huỳnh	22124084	11/10/2004	6.10	7.60	2.90	8.60	7.10	6.50	
174	Đỗ Thị Như	Huỳnh	22124083	29/08/2004	6.20	5.00	5.00	7.80	6.10	6.00	x
175	Nguyễn Đình	Kha	19114011	07/11/2001	5.10	6.50	8.00	9.00	5.00	6.70	x
176	Đoàn Nguyễn Phước	Khang	18112088	13/04/2000	5.40	7.80	3.00	8.50	5.50	6.00	
177	Trần Kiều	Khanh	20112251	02/05/2002	5.90	8.10	7.10	8.60	7.50	7.40	x
178	Lê Duy	Khánh	19117033	19/09/2001	5.90	5.00	3.50	7.50	6.60	5.70	
179	Nguyễn Thị	Khánh	22129115	19/05/2004	5.20	5.00	2.60	6.90	7.90	5.50	
180	Võ Duy	Khánh	22112140	03/12/2004	7.10	7.40	2.30	2.50	7.00	5.30	
181	Trần Ngọc	Khiêm	20128192	19/04/2002	4.60	0.00	4.00	0.00	2.00	2.10	
182	Hồ Đăng	Khoa	22124090	31/08/2004	4.50	0.00	6.10	0.00	5.60	3.20	
183	Huỳnh Hoàng Đăng	Khoa	21112479	05/10/2003	8.60	8.00	9.00	8.00	9.40	8.60	x
184	Đặng Đăng	Khoa	20113258	18/08/2002	5.00	6.10	3.60	6.10	5.00	5.20	
185	NGÔ PHAN ĐĂNG	KHOA	23124095	06/03/2005	4.60	5.90	3.60	7.90	0.00	4.40	
186	Nguyễn Lương	Khoa	22138049	04/03/2004	7.60	6.30	3.80	7.90	7.50	6.60	
187	Nguyễn Đăng	Khoa	22112142	26/10/2004	7.20	8.00	6.50	7.30	7.00	7.20	x
188	Trần Việt	Khoa	18153036	22/01/1999	4.70	0.00	0.90	0.00	5.00	2.10	
189	Phạm Đình	Khôi	21126378	18/02/2003	3.80	2.40	1.90	8.10	6.40	4.50	
190	Lê Tuấn	Kiệt	22129121	05/02/2004	7.30	8.10	5.00	8.60	8.60	7.50	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
191	Tiêu Nguyễn Anh	Kiệt	22132005	10/07/2004	7.80	5.80	6.50	7.90	6.10	6.80	x
192	Trần Anh	Kiệt	21133096	09/11/2003	4.50	3.60	3.10	0.00	3.60	3.00	
193	Nguyễn Thanh Phú	Kiều	22139038	08/07/2004	7.60	8.10	3.40	7.60	5.00	6.30	
194	Phan Lê Hoàng	Kim	18163019	27/09/2000	6.00	7.90	7.40	7.40	6.30	7.00	x
195	Bùi Thanh	Lâm	21124390	19/03/2003	4.70	7.60	6.10	9.10	7.60	7.00	
196	Nguyễn Thanh	Lâm	14113091	20/07/1996	6.60	6.00	6.00	7.10	5.50	6.20	x
197	Trần Nhật	Lâm	20112262	11/09/2002	8.20	6.50	6.00	9.00	7.30	7.40	x
198	Trần Thị Hồng	Lam	21139319	05/09/2003	4.40	5.00	0.00	0.00	8.10	3.50	
199	Dương Thị Ngọc	Lan	21129713	25/09/2003	6.30	7.50	5.00	7.50	5.50	6.40	x
200	Đặng Ngọc	Lan	21113211	28/04/2003	5.20	7.00	4.00	7.80	8.10	6.40	
201	Nguyễn Thị Hương	Lan	22139042	07/05/2003	6.50	6.50	6.50	9.50	5.50	6.90	x
202	Trịnh Ái Nhĩ	Lan	19123223	09/09/2001	5.50	6.30	6.80	1.00	5.00	4.90	
203	Đinh Châu Hồng	Lê	22129130	23/06/2004	8.60	9.10	5.50	6.90	7.10	7.40	x
204	Vũ Thị Hồng	Lê	22124102	20/04/2004	5.40	5.00	5.00	8.50	5.60	5.90	x
205	Trần	Liêm	20113264	05/05/2002	5.10	6.80	2.30	7.10	8.10	5.90	
206	Bùi Thị Khánh	Linh	22123200	22/02/2004	7.20	7.60	5.40	7.40	5.60	6.60	x
207	Huỳnh Ngọc Mỹ	Linh	20124083	15/04/2002	6.80	8.60	5.30	7.90	7.10	7.10	x
208	Huỳnh Thị Bảo	Linh	21149035	12/10/2003	7.30	7.40	5.00	8.60	7.90	7.20	x
209	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	15124141	27/02/1997	4.80	6.60	5.00	5.00	0.00	4.30	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
210	Lại Thị Mỹ	Linh	18155045	28/07/2000	5.60	6.80	2.40	5.50	8.00	5.70	
211	Lê Thị Trúc	Linh	22155053	17/03/2004	7.60	9.60	7.40	8.40	8.10	8.20	x
212	Lưu Thị Mỹ	Linh	20125479	15/02/2002	7.10	5.50	3.00	6.50	5.00	5.40	
213	Nguyễn Trần Nhật	Linh	20153095	23/11/2002	3.50	9.10	1.90	7.10	6.10	5.50	
214	Phạm Thị Thùy	Linh	21123060	07/12/2003	7.60	6.80	5.00	8.60	7.50	7.10	x
215	Trần Thị Thùy	Linh	20126292	16/06/2002	5.40	6.80	2.80	5.00	6.80	5.40	
216	Trương Khánh	Linh	21128238	30/06/2003	7.80	8.60	6.80	7.40	6.00	7.30	x
217	Võ Thị Ngọc	Linh	21122600	03/09/2003	7.80	5.50	7.10	6.90	7.60	7.00	x
218	Võ Thị Yến	Linh	20112270	10/04/2002	8.10	7.10	7.40	8.40	8.50	7.90	x
219	Lương Xuân	Lộc	20164004	08/04/2002	4.50	5.50	2.50	6.00	5.00	4.70	
220	Nguyễn Hưng	Lộc	22154065	01/06/2004	6.80	5.00	2.60	9.10	5.50	5.80	
221	Nguyễn Ngọc	Lợi	20124367	22/07/2002	7.30	9.00	9.00	7.80	7.10	8.00	x
222	Lê Nguyễn Hoàng	Long	20124368	24/01/2002	5.80	6.30	2.30	6.80	6.90	5.60	
223	Lưu Nguyễn Phi	Long	22155054	07/05/2004	7.60	7.50	8.30	10.00	9.10	8.50	x
224	Đặng Hoàng	Long	18138051	15/02/2000	5.50	6.30	3.50	7.30	3.00	5.10	
225	Đặng Thành	Long	19138044	06/11/2000	7.50	6.50	5.00	7.00	7.90	6.80	x
226	Phạm Duy	Long	21122610	16/09/2003	7.60	8.60	8.60	7.40	7.00	7.80	x
227	TRẦN DUY	LONG	23126105	09/02/2004	6.50	5.30	5.30	7.50	5.00	5.90	x
228	Lê Hoàng	Lĩnh	21124124	10/11/2003	7.60	6.00	2.40	9.00	7.40	6.50	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
229	Nguyễn Thị Hồng	Luân	22122178	23/03/2004	5.30	5.00	5.60	7.90	6.50	6.10	x
230	Mai Phương Thảo	Ly	20124373	13/12/2002	7.40	6.80	5.00	6.80	3.50	5.90	
231	Nguyễn Hồng Cẩm	Ly	21113226	27/01/2003	4.50	0.00	2.60	7.10	6.80	4.20	
232	Phạm Thị	Ly	19120111	24/09/2001	4.70	7.90	1.00	7.40	0.00	4.20	
233	Trần Nguyễn Ánh	Ly	21123246	21/01/2003	6.90	8.10	7.10	9.10	7.30	7.70	x
234	Dương Thị	Lý	21124408	13/02/2003	6.20	6.30	7.10	6.80	4.00	6.10	
235	Phan Kim	Lý	22126096	22/08/2004	7.90	7.40	9.60	7.40	7.40	7.90	x
236	Nguyễn Lê Tiểu	Mẫn	20124375	03/01/2002	6.90	7.90	7.10	7.40	7.40	7.30	x
237	Đinh Huệ	Mẫn	21122618	21/08/2003	7.30	7.10	5.00	8.60	6.60	6.90	x
238	Trần Gia	Mẫn	18112112	01/05/2000	6.10	6.80	6.00	8.10	5.90	6.60	x
239	Hồ Ngọc Xuân	Mai	22122186	20/01/2004	6.30	7.50	2.80	5.50	8.30	6.10	
240	Đặng Ngọc	Mai	20113275	20/01/2002	7.30	8.10	5.60	7.90	7.40	7.30	x
241	Thân Thị Ngọc	Mai	18120123	19/01/2000	5.40	6.00	3.30	7.90	7.00	5.90	
242	Phan Đức	Mạnh	21153150	25/07/2003	5.40	0.00	0.80	0.00	0.00	1.20	
243	Dương Văn	Minh	17112276	19/01/1999	6.80	8.10	6.10	6.60	3.10	6.10	
244	Kim Thị Phú	Minh	21112359	09/05/2002	5.70	7.90	6.30	7.40	6.00	6.70	x
245	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	22155063	21/05/2004	6.10	6.50	5.00	6.90	5.50	6.00	x
246	NGUYỄN TRIỆU PHÚC	MINH	23149062	08/05/2005	5.90	7.10	7.60	7.60	5.50	6.70	x
247	Vũ	Minsu	20135078	29/06/2002	6.80	6.80	3.00	5.00	7.30	5.80	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
248	Bá Thị Mỹ	Mộng	21123320	14/10/2003	5.80	7.90	5.00	7.80	5.50	6.40	x
249	Hồ Thị Hoàng	My	22122198	07/09/2004	6.80	6.50	7.10	7.10	7.10	6.90	x
250	Mang Kiều Diễm	My	20112279	26/12/2002	5.90	7.00	5.50	8.50	7.60	6.90	x
251	Nguyễn Phương Trà	My	21124418	12/04/2003	5.90	8.40	7.10	7.90	5.60	7.00	x
252	Tô Thị Trà	My	20163098	01/03/2002	4.40	2.80	1.80	1.50	5.60	3.20	
253	Trần Thị Uyên	My	20128211	14/02/2002	6.30	6.60	5.40	9.60	5.50	6.70	x
254	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	17112338	30/10/1999	7.80	5.50	7.90	9.10	5.50	7.20	x
255	Phạm Thị Khánh	Mỹ	20135081	28/10/2002	5.00	5.30	5.00	5.50	6.00	5.40	x
256	Võ Ngọc	Mỹ	22112188	27/04/2004	5.80	6.30	5.00	8.60	6.60	6.50	x
257	Võ Thị Hoa	Mỹ	22155070	15/01/2004	5.30	5.00	4.50	2.60	6.00	4.70	
258	Nguyễn Ngọc	Đỉnh	20153070	29/06/2002	4.90	6.60	5.00	7.60	6.10	6.00	
259	Hồ Thiên	Đạt	20135054	12/06/2002	5.90	6.00	6.80	7.90	6.80	6.70	x
260	Nguyễn Tiến	Đạt	15113236	/ /1999	5.00	6.60	5.00	8.60	6.30	6.30	x
261	Nguyễn Trần Quân	Đạt	21129584	26/01/2003	6.70	5.00	3.00	5.00	2.50	4.40	
262	Trần Tiến	Đạt	22139009	12/07/2004	6.90	6.90	6.80	6.80	5.00	6.50	x
263	Võ Đình	Đạt	21154148	14/04/2003	5.40	6.10	5.40	5.00	5.00	5.40	x
264	Nguyễn Hoàng	Nam	22124122	08/03/2004	7.40	8.10	5.40	9.60	8.00	7.70	x
265	Nguyễn Hoàng	Nam	19154097	12/11/2001	4.30	5.00	0.00	0.00	6.10	3.10	
266	Nguyễn Phương	Đan	19125041	28/09/2001	6.40	7.10	5.00	5.00	5.50	5.80	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
267	Hồ Ngọc Thanh	Ngân	20117102	18/11/2002	3.30	5.60	3.40	5.00	5.40	4.50	
268	Huỳnh Tuyết	Ngân	22139058	27/01/2004	5.10	6.30	5.50	7.80	7.30	6.40	x
269	Lâm Bảo	Ngân	22126106	29/10/2004	6.60	7.90	5.00	7.40	8.00	7.00	x
270	Lê Thị Kim	Ngân	22124129	07/11/2004	4.60	8.10	5.60	6.60	6.60	6.30	
271	Lê Thị Kim	Ngân	21112139	08/05/2003	6.10	7.60	6.00	7.40	5.50	6.50	x
272	Lê Thị Thu	Ngân	20116068	08/03/2002	3.30	7.50	3.00	1.40	6.00	4.20	
273	Nguyễn Phùng Kim	Ngân	21128087	23/04/2003	6.50	8.00	7.00	7.80	6.90	7.20	x
274	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	19120126	02/12/2001	4.60	6.50	8.30	8.30	6.60	6.90	
275	Trần Thị Kim	Ngân	19122151	20/01/2001	4.20	5.00	3.50	7.50	5.50	5.10	
276	Võ Hoàng Minh	Ngân	16149080	08/10/1998	6.10	8.90	8.10	7.90	5.60	7.30	x
277	Hoàng Gia	Nghi	20125552	14/11/2002	5.20	5.00	3.90	5.90	6.90	5.40	
278	Nguyễn Thị Hồng	Nghi	19113103	05/07/2001	7.90	8.50	7.80	8.30	6.50	7.80	x
279	Trần Vĩnh	Nghi	22139063	02/08/2004	5.90	7.10	3.60	5.00	5.60	5.40	
280	Trịnh Lê Thùy	Nghi	22129175	03/02/2004	5.20	6.90	4.30	7.90	6.80	6.20	
281	Trương Huỳnh Phương	Nghi	21122639	25/11/2003	7.90	7.00	5.00	8.50	6.10	6.90	x
282	Phạm Trọng Công	Nghĩa	20154176	31/03/2002	7.30	6.00	5.00	6.80	5.00	6.00	x
283	Trần Minh	Nghĩa	20118207	18/01/2002	6.10	7.50	8.30	7.80	5.00	6.90	x
284	Dương Hoài	Ngọc	21129797	12/12/2003	6.40	7.50	4.30	7.30	6.00	6.30	
285	Lê Đoàn Bích	Ngọc	22122222	11/11/2004	6.90	7.60	5.00	9.60	5.00	6.80	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
286	Đào Thị Ánh	Ngọc	22128114	12/02/2004	6.50	8.30	6.50	7.80	8.80	7.60	x
287	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	22129182	17/07/2004	5.20	6.60	5.00	0.60	5.00	4.50	
288	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	22124141	05/06/2004	5.90	5.50	5.00	7.80	3.00	5.40	
289	Nguyễn Thị Như	Ngọc	19120132	07/02/2001	7.40	7.10	6.30	7.40	8.80	7.40	x
290	Trần Thị	Ngọc	20123170	06/01/2002	5.10	5.00	5.50	5.00	6.00	5.30	x
291	Trần Thị Ánh	Ngọc	19112123	08/09/2001	6.00	7.50	5.00	7.80	5.00	6.30	x
292	Nguyễn Thành	Ngữ	18113102	26/02/2000	4.40	6.30	3.00	0.50	0.00	2.80	
293	Nguyễn Huỳnh Phương	Nguyên	21125248	10/10/2003	4.20	1.00	3.00	6.00	2.50	3.30	
294	Nguyễn Khôi	Nguyên	21118320	20/12/2003	4.90	5.00	3.00	0.00	5.00	3.60	
295	Nguyễn Y	Nguyên	20125570	30/06/2002	4.20	1.10	0.60	7.10	5.60	3.70	
296	Phạm Đình	Nguyên	20145140	29/09/2002	5.40	8.00	6.30	7.50	5.40	6.50	x
297	Trần Phạm Thảo	Nguyên	21126131	16/01/2003	6.90	8.00	8.50	9.00	7.40	8.00	x
298	Trần Thảo	Nguyên	22129191	23/04/2004	4.80	3.50	6.50	7.50	5.50	5.60	
299	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	20122423	11/10/2002	6.50	6.00	7.50	7.30	7.80	7.00	x
300	Phạm Thị Thu	Nguyệt	20124417	10/11/2002	6.00	6.10	6.10	6.60	5.00	6.00	x
301	Mai Thị Bích	Nhân	20112308	26/08/2002	6.50	7.80	5.50	7.90	6.80	6.90	x
302	Trần Hoàng	Nhân	21118325	25/09/2003	5.90	8.10	5.90	7.60	5.60	6.60	x
303	Phan Quốc	Nhẩn	20116228	15/11/2002	3.20	0.00	0.00	0.00	5.00	1.60	
304	Nguyễn Minh	Nhật	21120453	09/04/2003	7.80	8.30	8.80	8.00	10.00	8.60	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
305	Đoàn Lê Quang	Nhật	19138054	22/11/2001	5.00	7.40	5.40	1.40	2.10	4.30	
306	Phan Anh	Nhật	22124150	07/05/2004	6.90	5.00	0.90	7.60	5.60	5.20	
307	Nguyễn Quỳnh Trúc	Nhã	19112411	24/09/2001	6.80	8.30	8.50	8.50	7.10	7.80	x
308	Nguyễn Lê Xuân	Nhàn	21120452	23/12/2003	6.30	6.60	5.00	7.60	7.00	6.50	x
309	Bùi Phương	Nhi	22122240	21/10/2004	7.80	7.50	6.50	7.00	5.00	6.80	x
310	Nguyễn Quỳnh	Nhi	22120121	13/02/2004	7.10	9.30	5.00	8.00	7.80	7.40	x
311	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	20124423	30/01/2002	6.60	8.10	5.00	9.10	2.60	6.30	
312	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	21115182	01/04/2003	7.60	6.60	5.00	8.10	7.10	6.90	x
313	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21139117	26/09/2003	4.60	6.80	5.50	7.40	5.90	6.00	
314	Thạch Lê Bích	Nhi	18125522	04/12/1999	7.60	6.00	5.00	8.00	7.60	6.80	x
315	Trương Thị Bảo	Nhi	15124197	14/09/1995	6.40	6.00	6.00	6.30	6.60	6.30	x
316	Võ Thị Yến	Nhi	18145048	30/11/2000	4.60	5.30	5.50	6.80	6.80	5.80	
317	Ngô Thị	Nhiên	16132352	26/09/1998	5.60	5.30	3.00	8.50	7.40	6.00	
318	Nguyễn Thị	Nhiên	22120127	10/05/2004	6.90	7.40	5.50	6.30	6.00	6.40	x
319	Võ Thị Mỹ	Nhiên	20155037	28/01/2002	5.70	6.80	2.00	6.30	8.10	5.80	
320	Lê Thị Minh	Như	22128136	28/08/2004	4.00	5.50	0.80	6.90	0.00	3.40	
321	Lê Thị Quỳnh	Như	22120129	23/06/2004	6.40	5.30	3.50	9.00	7.10	6.30	
322	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	22122262	30/01/2004	7.60	5.30	8.80	8.30	6.80	7.40	x
323	Nguyễn Thị Ánh	Như	22120131	12/08/2003	5.40	9.00	5.00	7.80	6.30	6.70	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
324	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	18126123	02/06/2000	6.80	7.10	9.10	8.60	6.10	7.50	x
325	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	19112136	20/10/2001	7.40	7.80	7.00	8.30	5.50	7.20	x
326	Nguyễn Thị Tường	Như	22112242	26/09/2004	7.60	8.60	5.00	9.10	8.90	7.80	x
327	Nguyễn Y	Như	22126130	24/04/2004	7.30	6.60	5.60	1.90	5.00	5.30	
328	Đỗ Tâm	Như	21113250	14/04/2003	6.60	7.10	5.30	8.60	2.00	5.90	
329	Phạm Thị Quỳnh	Như	22139081	20/04/2004	6.30	7.00	5.00	7.50	7.30	6.60	x
330	Phan Thị Quỳnh	Như	21113055	18/10/2003	5.90	9.00	5.50	7.30	7.10	7.00	x
331	Trương Tâm	Như	21155131	22/04/2003	4.50	5.00	4.30	6.30	6.40	5.30	
332	Kiều Đăng Minh	Nhựt	20126075	10/02/2002	6.90	5.50	7.00	8.00	6.40	6.80	x
333	Dương Nguyễn Cẩm	Nhung	21149223	20/11/2003	8.30	9.30	7.50	7.80	5.60	7.70	x
334	Dương Thị Hồng	Nhung	18124111	21/06/1999	3.40	7.30	4.00	7.30	5.00	5.40	
335	Huỳnh Ngọc	Nhung	18123092	21/01/2000	4.70	0.00	0.00	0.00	6.10	2.20	
336	Lưu Thị Tuyết	Nhung	17123075	31/03/1999	7.10	5.00	6.50	7.80	5.60	6.40	x
337	Nguyễn Thị	Nhung	20122446	07/07/2002	5.70	5.60	4.10	6.10	5.60	5.40	
338	Đỗ Hồng	Nhung	19112139	28/01/2001	7.20	6.80	7.10	7.60	7.10	7.20	x
339	Nguyễn Thị Ngọc	Điễm	18155013	17/12/2000	4.80	7.10	5.50	7.90	5.60	6.20	
340	Hồ Thanh	Điền	17154015	10/04/1999	6.60	8.10	8.60	7.40	7.10	7.60	x
341	Phan Thế	Điền	21123220	23/09/2003	7.00	5.60	6.40	9.10	5.60	6.70	x
342	Mai Hoàng	Điệp	15131018	10/07/1997	5.50	8.90	7.60	8.40	5.60	7.20	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
343	Vương Quốc	Ninh	22127018	19/01/2004	5.50	7.50	4.00	8.00	7.00	6.40	
344	Nguyễn Thành	Đô	20111180	01/06/2002	6.20	5.00	5.40	7.90	3.10	5.50	
345	Đoàn Nguyễn Khánh	Đoan	22125041	24/03/2004	7.80	8.50	5.50	7.80	6.80	7.30	x
346	Võ Phan Quỳnh	Đoan	21122051	28/07/2003	7.60	5.50	5.00	6.80	5.00	6.00	x
347	Phan Thị	Nữ	19113120	18/10/2001	5.80	7.50	2.30	8.30	3.50	5.50	
348	Đỗ Thị Mỵ	Nương	21120472	01/05/2003	8.40	5.00	3.00	9.10	6.90	6.50	
349	Nguyễn Khả Trọng	Đức	20113028	13/01/2002	5.80	5.00	3.60	2.10	5.00	4.30	
350	Nguyễn Tiến	Đức	20113227	30/08/2002	5.70	7.60	6.00	6.00	5.00	6.10	x
351	Nguyễn Thị Khánh	Ny	21135131	21/11/2003	6.40	6.50	5.00	6.00	5.00	5.80	x
352	Đặng Kiều	Oanh	21123097	12/02/2003	6.10	5.00	5.60	7.90	6.60	6.20	x
353	Ngô Thị Thu	Oanh	22139086	20/06/2003	7.20	6.30	5.00	8.10	5.00	6.30	x
354	Nguyễn Hồng Phương	Oanh	21126458	11/02/2003	7.40	7.50	6.50	8.00	5.00	6.90	x
355	Nguyễn Thị Kim	Oanh	20122453	01/07/2002	4.70	7.40	3.90	1.10	5.50	4.50	
356	Trần Thị Kim	Oanh	21120474	19/05/2003	7.60	5.00	5.00	7.80	6.10	6.30	x
357	Vũ Kiều	Oanh	20120243	11/06/2002	6.60	7.50	5.00	9.50	5.50	6.80	x
358	Sa Xi	Pha	17164027	26/12/1998	3.50	0.00	5.00	1.50	5.00	3.00	
359	Dương Tấn	Phát	20118221	28/03/2002	7.40	5.30	7.10	7.90	7.40	7.00	x
360	Nguyễn Thanh	Phát	21149231	28/09/2003	6.40	5.50	5.00	7.10	6.80	6.20	x
361	Nguyễn Tiến	Phát	21124454	14/05/2003	7.90	7.60	6.30	7.90	8.40	7.60	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
362	Trần Lê	Phát	17124131	02/02/1999	5.90	6.90	5.00	6.90	5.00	5.90	x
363	Nguyễn Tấn	Phong	18112315	25/02/2000	4.90	0.00	0.00	0.00	0.00	1.00	
364	Nguyễn Thị	Phượng	21122264	15/10/2003	7.30	6.00	6.50	8.60	6.00	6.90	x
365	Võ Thị Như	Phượng	20163129	02/06/2002	4.30	5.30	5.00	6.80	6.30	5.50	
366	Lê Thị Thanh	Phương	20122468	16/10/2002	5.10	7.60	6.10	7.90	5.90	6.50	x
367	Ngô Minh	Phương	22122288	13/01/2004	8.40	5.00	5.50	6.80	7.10	6.60	x
368	Nguyễn Đức	Phương	19113207	28/10/2001	4.80	0.00	0.00	0.00	5.00	2.00	
369	Nguyễn Thị Trúc	Phương	22128150	12/12/2004	5.90	7.40	3.60	8.60	6.40	6.40	
370	Nguyễn Tri	Phương	20155132	17/06/2002	5.20	1.10	4.10	5.00	5.00	4.10	
371	Phạm Hoàng Minh	Phương	20125634	07/04/2002	5.90	7.00	3.50	7.80	6.50	6.10	
372	Phan Nguyễn Như	Phương	21122676	27/08/2003	5.70	7.60	3.50	7.10	6.90	6.20	
373	Phan Thị Thu	Phương	21122677	07/11/2003	7.40	6.50	6.80	9.00	6.90	7.30	x
374	Võ Thị Thu	Phương	21115199	12/08/2003	6.10	7.60	5.60	2.60	6.10	5.60	
375	Trần Công	Phước	19117061	28/01/2001	3.70	8.40	5.50	6.80	5.00	5.90	
376	Nguyễn Thị Thanh	Phụng	19112377	29/06/2000	7.10	7.10	7.10	7.10	6.80	7.00	x
377	Trịnh Thị Kim	Phụng	22149060	29/09/2004	5.10	6.00	5.00	6.80	5.00	5.60	x
378	Lê Ngọc Hồng	Phúc	20128240	01/08/2002	5.40	9.50	7.00	7.80	10.00	7.90	x
379	Nguyễn Thị	Phúc	14124236	03/08/1993	4.40	6.00	2.40	5.00	5.60	4.70	
380	Nguyễn Anh	Quân	18163028	29/09/2000	5.10	7.90	5.80	7.60	6.30	6.50	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
381	Nguyễn Hồng	Quân	20155133	07/10/2002	6.60	9.60	8.60	8.40	7.10	8.10	x
382	Đỗ Anh	Quân	20154197	15/10/2002	6.40	7.60	5.90	7.10	5.90	6.60	x
383	Đỗ Hoàng	Quân	20154198	20/01/2002	5.00	8.40	1.60	7.60	5.00	5.50	
384	Nguyễn Minh	Quang	20128249	05/04/2002	7.90	6.80	6.00	7.60	8.00	7.30	x
385	Nguyễn Tuấn	Quang	21154280	20/02/2003	5.40	3.50	2.50	2.00	6.30	3.90	
386	Lê Đông Phương	Quyên	22120148	08/12/2004	5.70	5.80	1.30	7.60	5.00	5.10	
387	Lê Thị Trúc	Quyên	22124177	01/10/2004	5.90	7.00	5.00	9.00	8.50	7.10	x
388	Trương Nhật	Quyên	21135344	16/04/2003	5.40	7.10	7.10	7.10	5.60	6.50	x
389	Võ Hoàng	Quyên	22122304	20/09/2004	6.40	7.90	4.10	6.60	5.00	6.00	
390	Võ Huỳnh	Quyên	21139416	18/08/2003	5.80	8.90	5.80	7.40	9.10	7.40	x
391	Đào Quốc	Quyn	21166157	23/07/2003	4.20	8.00	3.80	7.50	5.00	5.70	
392	DƯƠNG XUÂN	QUỲNH	23112220	08/12/2005	7.60	7.00	5.00	7.30	6.80	6.70	x
393	Bùi Thị Diễm	Quỳnh	22122307	07/12/2004	6.10	7.50	5.50	7.80	5.60	6.50	x
394	Hoàng Như	Quỳnh	22139091	28/09/2003	6.90	7.50	5.00	8.90	7.10	7.10	x
395	NGUYỄN NGỌC DIỄM	QUỲNH	23135061	30/07/2005	7.60	9.40	8.60	6.60	7.60	8.00	x
396	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	23123146	14/05/2004	6.10	7.60	9.10	7.40	6.00	7.20	x
397	Phạm Ngọc Diễm	Quỳnh	20154049	09/02/2002	7.30	6.60	6.40	9.10	8.60	7.60	x
398	Trương Ngọc Thảo	Quỳnh	22128159	12/04/2004	4.50	6.50	3.50	1.90	0.90	3.50	
399	Vũ Như	Quỳnh	22122319	20/05/2004	6.90	6.00	5.50	6.90	5.00	6.10	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
400	Huỳnh Dương Phú	Quý	21124468	03/04/2003	5.40	6.90	5.90	7.90	5.60	6.30	x
401	Lương Thị Bạch	Sâm	22139095	18/05/2004	8.10	5.80	8.50	7.80	9.30	7.90	x
402	Mai Thị Bích	Sang	20124457	13/12/2002	4.40	7.90	4.00	7.90	9.40	6.70	
403	Trần Vũ Phước	Sang	16111170	08/09/1997	6.40	6.80	6.90	6.00	5.90	6.40	x
404	Võ Tấn	Sang	21111337	19/01/2003	6.10	9.40	5.90	7.90	8.10	7.50	x
405	Trần Tuấn	Sơn	21154291	08/05/2003	5.40	7.50	4.00	7.00	3.50	5.50	
406	Nguyễn Thị Thúy	Sương	22112283	07/03/2004	3.30	2.30	2.30	2.00	0.00	2.00	
407	Nguyễn Hoài	Tâm	21121025	24/03/2003	7.10	8.90	7.10	8.10	7.30	7.70	x
408	Tăng Khắc Tín	Tâm	19115104	18/10/2002	4.50	0.00	5.00	0.00	8.30	3.60	
409	Lê Nhật	Tân	21111341	05/11/2003	3.90	5.60	0.60	7.90	7.60	5.10	
410	Nguyễn Ngọc	Tân	17124150	18/10/1999	5.90	8.50	8.50	8.50	7.00	7.70	x
411	Nguyễn Nhật	Tân	19113138	17/06/2001	4.40	7.40	2.00	7.40	7.10	5.70	
412	Nguyễn Đình	Tân	19126157	30/11/2001	4.70	7.00	4.00	8.00	5.00	5.70	
413	Phạm Minh	Tân	20125671	29/01/2002	5.40	5.90	3.10	5.00	6.60	5.20	
414	Phạm Văn	Tân	19154136	25/09/2001	7.30	6.00	5.00	7.00	5.00	6.10	x
415	Nguyễn Huỳnh Anh	Tài	21113080	06/01/2003	7.80	7.60	7.90	10.00	6.50	8.00	x
416	Nguyễn Thành	Tài	20127136	24/07/2002	6.80	6.00	4.00	1.40	8.10	5.30	
417	Trần Minh	Tài	20118245	23/10/2002	6.20	6.30	5.00	7.60	5.00	6.00	x
418	Võ Tấn	Tài	21138062	05/06/2003	6.10	6.30	7.40	9.10	5.50	6.90	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
419	Hoàng Thanh	Thắm	19112379	06/03/2001	3.20	5.00	2.60	7.90	1.60	4.10	
420	Lê Thị	Thắm	19113141	08/03/2001	5.20	6.00	5.00	6.80	6.00	5.80	x
421	Nguyễn Vũ Ngọc	Thắm	20123192	21/07/2002	6.60	7.60	3.60	8.60	6.60	6.60	
422	Phan Thị Thanh	Thắm	22123122	10/05/2004	6.90	6.00	5.30	7.40	5.00	6.10	x
423	Văn Hồng	Thắm	21125343	06/04/2003	7.10	5.00	3.10	7.10	3.10	5.10	
424	Hoàng Cảnh	Thắng	14124499	13/06/1996	8.00	6.00	6.00	8.10	5.50	6.70	x
425	Lê Đình Quốc	Thắng	17115097	13/06/1999	7.00	5.00	4.00	7.50	2.00	5.10	
426	Lê Viết	Thắng	21154307	14/07/2003	6.20	6.10	6.60	7.10	5.60	6.30	x
427	Nguyễn Quốc	Thắng	20118255	17/07/2002	5.90	5.50	6.00	7.40	5.00	6.00	x
428	Trần Danh	Thắng	19118211	08/02/2000	3.80	0.00	0.00	0.00	0.00	0.80	
429	Nguyễn Triệu Ngọc	Thạch	18124132	24/12/2000	5.30	5.00	5.40	6.10	0.60	4.50	
430	Dương Quốc	Thanh	20131104	25/10/2002	6.30	7.40	4.00	7.10	5.90	6.10	
431	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	19113145	05/08/2001	5.40	6.50	6.00	9.50	5.50	6.60	x
432	Nguyễn Thị Phương	Thanh	21113293	12/10/2003	5.00	7.80	5.00	7.80	6.80	6.50	x
433	Thân Thị Thu	Thanh	19122357	02/01/2001	6.00	5.00	5.80	7.50	5.00	5.90	x
434	Võ Thị Dương	Thanh	20123268	14/05/2001	4.90	8.80	2.30	5.50	1.00	4.50	
435	Bùi Minh	Thành	22122338	13/10/2004	7.40	6.50	6.50	9.50	5.60	7.10	x
436	Nguyễn Trung	Thành	22124193	02/11/2004	5.30	5.00	2.40	8.60	7.80	5.80	
437	Ung Ngọc	Thành	20118258	27/10/2002	4.80	5.40	6.90	7.90	5.50	6.10	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
438	Lại Văn	Thái	21111342	11/04/2002	6.20	6.00	7.40	7.60	7.50	6.90	x
439	Nguyễn Quốc	Thái	20128262	02/05/2002	7.90	8.00	7.50	8.00	8.40	8.00	x
440	Dương Phương	Thảo	20123194	13/12/2002	4.90	2.60	5.40	7.10	1.10	4.20	
441	Lê Nguyễn Phương	Thảo	22122344	24/10/2004	4.60	5.00	2.40	1.90	7.40	4.30	
442	Lê Thành	Thảo	20113337	21/09/2002	5.90	5.60	2.60	2.10	5.00	4.20	
443	Mầu Thị Phương	Thảo	21149266	21/09/2003	6.40	7.50	5.00	9.50	5.00	6.70	x
444	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21149267	22/11/2003	5.60	5.00	6.50	7.80	8.30	6.60	x
445	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21126507	24/03/2003	6.10	7.10	6.90	7.60	7.90	7.10	x
446	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22122347	24/09/2004	5.50	5.50	6.30	8.10	1.40	5.40	
447	Đỗ Thị Thanh	Thảo	20128265	15/10/2002	7.10	7.90	8.60	7.40	6.60	7.50	x
448	Đoàn Ngọc Thanh	Thảo	20123193	18/06/2002	4.80	7.40	3.30	7.60	0.00	4.60	
449	Thạch Thị Chanh	Thi	22122355	12/03/2004	6.70	5.50	2.50	7.50	1.00	4.60	
450	Bùi Thị Thu	Thiên	21112745	08/09/2003	4.80	2.60	5.40	7.10	5.00	5.00	
451	Hà Thị Lệ	Thiện	20115266	20/12/2001	4.40	6.50	1.80	3.00	5.50	4.20	
452	Nguyễn Đức	Thiện	21126513	06/03/2003	7.80	9.10	9.10	9.10	8.60	8.70	x
453	Nguyễn Thanh	Thiện	20154221	13/09/2002	5.50	5.00	3.60	5.00	6.80	5.20	
454	Phan Vũ	Thiện	20145162	26/06/2002	4.00	8.90	0.50	7.40	5.00	5.20	
455	Bùi Nguyễn Anh	Thư	19112316	08/06/2001	7.10	8.60	5.00	9.60	7.60	7.60	x
456	Hồ Ngọc Anh	Thư	21128265	13/04/2003	6.40	6.10	3.90	8.10	5.60	6.00	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
457	Lê Anh	Thư	22155110	13/04/2004	6.90	5.00	5.50	7.60	5.50	6.10	x
458	Lê Ngọc Anh	Thư	22139114	13/01/2004	5.90	5.00	2.60	8.60	7.90	6.00	
459	Ngô Thị Minh	Thư	16112360	13/09/1998	6.10	6.30	8.40	8.10	5.00	6.80	x
460	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	21129944	14/09/2003	5.90	7.90	7.10	7.40	7.60	7.20	x
461	Nguyễn Thị Anh	Thư	22129287	28/05/2004	7.80	9.30	8.00	7.90	5.00	7.60	x
462	Đinh Diêm Quỳnh	Thư	20125705	29/05/2002	6.10	6.80	5.50	8.10	5.00	6.30	x
463	Đinh Thị Thiên	Thư	22111111	29/04/2004	6.90	6.30	7.90	8.60	8.40	7.60	x
464	Phạm Thị Minh	Thư	21129949	29/09/2003	7.30	9.10	5.40	8.40	9.10	7.90	x
465	Trần Nguyễn Thanh	Thư	17116153	06/09/1999	4.50	0.00	2.10	7.10	0.00	2.70	
466	Trần Thị Minh	Thư	22124204	31/05/2004	6.90	8.00	3.00	8.50	6.10	6.50	
467	Nguyễn Thị Kim	Thoa	20120282	10/12/2002	4.80	7.10	7.60	1.60	1.10	4.40	
468	Hồ Minh	Thoại	19127053	18/11/2000	6.00	5.60	2.10	9.10	7.10	6.00	
469	Huỳnh Hữu	Thoại	18116084	16/02/2000	4.90	8.40	6.00	6.50	5.00	6.20	
470	Nguyễn Kim	Thoại	20124488	01/12/2002	5.80	5.00	3.60	9.10	1.60	5.00	
471	Huỳnh Minh	Thông	20154062	19/07/2002	6.10	6.50	6.00	6.90	8.40	6.80	x
472	Nguyễn Cường	Thịnh	14113202	01/11/1996	4.80	3.00	0.40	5.00	0.00	2.60	
473	Hà Thị Hoài	Thương	22129291	20/06/2004	6.30	8.10	4.10	8.10	9.30	7.20	
474	Lê Thị Hoài	Thương	19123145	04/02/2001	5.40	5.00	5.60	5.00	5.00	5.20	x
475	Nguyễn Hoài	Thương	21122733	26/05/2003	8.10	5.50	7.10	8.60	10.00	7.90	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
476	Nguyễn Thị	Thương	21112667	29/11/2003	6.40	6.90	2.90	7.90	2.60	5.30	
477	Mai Cẩm	Thu	22122363	25/08/2004	6.20	5.00	1.90	7.50	5.00	5.10	
478	Nguyễn Thị Nguyệt	Thu	20113345	03/06/2002	7.30	5.00	6.80	7.10	5.90	6.40	x
479	Nguyễn Thị Xuân	Thu	21112654	16/08/2003	8.40	7.10	6.60	9.60	7.80	7.90	x
480	Lê Minh	Thuận	20135100	03/10/2002	4.80	3.50	3.00	7.10	5.50	4.80	
481	Đào Thái	Thuận	19111116	09/12/2001	5.70	7.10	5.00	9.10	5.50	6.50	x
482	Phan Dũ	Thuận	22133022	04/01/2004	4.50	6.80	1.80	6.50	1.50	4.20	
483	Huỳnh Thị Cẩm	Thụy	22122386	29/01/2004	5.50	7.60	6.10	7.10	5.00	6.30	x
484	Bạch Ngọc	Thùy	22124207	31/08/2004	6.70	7.60	5.50	7.90	6.60	6.90	x
485	Lê Thị Phương	Thùy	21115222	12/08/2003	6.30	6.00	5.00	9.10	6.60	6.60	x
486	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	21122743	01/05/2003	4.30	5.80	2.30	7.80	5.50	5.10	
487	Trần Thị	Thùy	22122383	18/05/2004	6.30	5.00	5.60	7.40	8.40	6.50	x
488	Hoàng Thị Hồng	Thúy	22128197	16/10/2004	8.40	8.00	7.00	9.00	8.10	8.10	x
489	Huỳnh Thị Kim	Thúy	21117110	06/12/2002	4.80	5.50	6.80	3.00	6.30	5.30	
490	Lê Thị Thanh	Thúy	22122380	26/09/2004	7.10	5.00	2.40	9.10	7.60	6.20	
491	Phùng Thị Cẩm	Thúy	22122381	01/03/2004	5.90	5.00	5.00	7.90	6.00	6.00	x
492	Trần Thị	Thúy	18123203	01/02/2000	5.00	6.00	4.00	5.50	5.00	5.10	
493	Hồ Thị Kim	Thủy	19126180	13/08/2001	5.20	6.90	4.00	7.40	9.10	6.50	
494	Nguyễn Thị Thu	Thủy	21129966	11/08/2003	5.40	6.30	6.00	0.00	5.00	4.50	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
495	Đỗ Nguyên	Thủy	21113310	02/02/2003	6.30	6.60	5.00	7.40	6.10	6.30	x
496	Vũ Thị Thu	Thủy	22122385	04/11/2004	7.60	7.10	5.00	9.60	5.00	6.90	x
497	Nguyễn Thị	Thuỳ	21126529	10/05/2003	4.90	3.50	0.90	5.50	3.50	3.70	
498	Nguyễn Thị Bích	Thuỷ	20113157	18/05/2002	6.80	8.30	8.50	8.00	9.10	8.10	x
499	Hứa Triệu Minh	Thy	22122518	29/01/2004	7.10	7.10	5.60	8.40	6.30	6.90	x
500	Hà Trần Quốc	Tiến	20116276	24/01/2002	5.40	9.10	7.10	7.40	6.00	7.00	x
501	Huỳnh Minh	Tiến	21122751	09/03/2003	7.60	8.60	9.60	9.60	8.30	8.70	x
502	Tạ Hoàng	Tiến	22124214	14/09/2004	4.90	5.50	5.00	4.00	5.50	5.00	
503	Trần Huỳnh Viết	Tiến	21124217	01/06/2003	5.90	5.80	6.00	6.90	3.00	5.50	
504	Trần Quốc	Tiến	19123156	08/06/2001	4.50	0.00	3.50	0.00	0.00	1.60	
505	Hồ Đoàn Minh	Tiền	17118116	24/08/1999	4.50	1.00	2.30	7.10	3.00	3.60	
506	Trương Thị Thanh	Tiền	21126536	12/09/2003	5.70	7.50	7.50	9.00	5.00	6.90	x
507	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	22124210	26/06/2004	6.40	6.80	5.00	9.10	9.10	7.30	x
508	Trần Thị Khánh	Tiên	22127027	17/10/2004	6.40	6.90	6.00	7.10	5.00	6.30	x
509	Trần Thị Thuỷ	Tiên	22139121	01/12/2004	7.40	8.30	5.00	7.30	6.10	6.80	x
510	Văn Bá	Tín	16112365	05/05/1998	3.90	5.30	2.00	7.90	0.80	4.00	
511	Nông Văn	Tình	17112224	04/03/1998	5.30	5.50	5.50	6.00	5.00	5.50	x
512	Nguyễn Thái	Toàn	19112190	23/11/1996	8.10	8.60	9.10	8.60	9.30	8.70	x
513	Trần Quốc	Toàn	16112367	06/05/1998	5.50	5.00	2.40	6.80	1.40	4.20	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
514	Cao Hoàng Ngọc	Trâm	21129979	13/01/2003	5.40	7.90	5.00	7.90	5.00	6.20	x
515	Hà Ngọc	Trâm	18115103	20/04/2000	5.80	5.00	3.10	8.10	5.40	5.50	
516	Lê Hoàng Bảo	Trâm	20124512	29/10/2002	5.70	5.00	5.00	5.50	6.50	5.50	x
517	Lê Nhật Bảo	Trâm	21113103	07/12/2003	5.40	7.30	4.00	7.80	5.00	5.90	
518	Lê Thị Ngọc	Trâm	20139347	13/08/2002	5.60	5.80	2.50	7.80	6.00	5.50	
519	Nguyễn Thị Bích	Trâm	22123158	28/07/2004	5.40	5.50	5.00	1.80	6.00	4.70	
520	Nguyễn Thị Huỳnh	Trâm	22129318	10/08/2004	5.30	6.00	6.00	5.00	6.00	5.70	x
521	Phan Thị Bích	Trâm	22122401	08/09/2004	7.90	9.50	7.50	9.50	9.10	8.70	x
522	Trương Thị Hoa	Trâm	19113163	20/09/2001	6.10	1.60	4.10	7.90	5.50	5.00	
523	Võ Nguyên Hồng	Trâm	22139127	02/03/2004	7.90	6.00	7.50	7.50	9.00	7.60	x
524	Hoàng Vũ Bảo	Trân	21123287	20/07/2003	6.10	6.30	5.00	5.50	5.50	5.70	x
525	Lê Võ Tuyết	Trân	22126187	17/09/2004	6.90	6.60	5.60	9.10	5.00	6.60	x
526	Mai Bảo	Trân	19124295	17/04/2001	5.40	8.80	7.50	8.00	6.50	7.20	x
527	Nguyễn Hoàng	Trân	22125321	17/09/2004	6.90	5.50	3.90	6.80	6.10	5.80	
528	Nguyễn Thị Quế	Trân	21129988	15/12/2003	7.30	2.60	6.10	8.60	8.10	6.50	
529	Phạm Ngọc Bảo	Trân	20122544	28/08/2002	4.60	7.10	4.00	8.10	7.10	6.20	
530	Trần Huỳnh	Trân	20123219	29/01/2002	4.20	6.90	4.10	7.90	2.60	5.10	
531	Trần Ngọc	Trân	20113362	06/09/2002	5.70	7.60	6.00	8.60	5.60	6.70	x
532	Nguyễn Thanh	Trang	20137129	20/10/2002	5.80	6.80	6.90	7.90	5.00	6.50	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
533	NGUYỄN THỊ MỸ	TRANG	23123115	29/07/2005	5.20	7.60	4.00	6.80	7.00	6.10	
534	Nguyễn Thu	Trang	20112147	06/10/2002	7.60	9.60	6.60	9.60	8.80	8.40	x
535	Đinh Thái Thùy	Trang	17112404	03/01/1998	6.70	6.50	7.30	5.00	5.30	6.20	x
536	Đỗ Thị Kiều	Trang	20135032	03/10/2002	3.80	5.00	2.60	1.40	5.60	3.70	
537	Phạm Thị Thùy	Trang	20120319	20/07/2002	4.40	5.00	5.00	7.10	5.60	5.40	
538	Trần Quỳnh	Trang	21123292	28/11/2003	6.50	8.10	5.00	7.60	5.00	6.40	x
539	Trần Thị Quỳnh	Trang	22112362	22/09/2004	7.90	8.10	7.60	8.60	9.30	8.30	x
540	Lưu Thị	Trà	17127079	28/12/1999	4.40	6.80	5.00	7.80	8.80	6.60	
541	Danh Trần Hữu	Trí	22112364	03/01/2004	5.40	5.50	5.50	2.10	7.30	5.20	
542	Lai Trường	Trí	20139355	10/01/2002	6.80	6.60	3.90	9.10	6.10	6.50	
543	Nguyễn Thanh	Trí	22122417	31/12/2003	5.50	6.10	5.60	8.40	6.30	6.40	x
544	Nguyễn Văn	Trí	17112230	24/04/1995	7.80	8.10	8.60	9.10	10.00	8.70	x
545	Phạm Minh	Trí	21118394	12/10/2003	7.60	6.50	7.00	9.00	6.00	7.20	x
546	Trần Diễm	Trí	21135376	06/02/2003	3.30	5.60	3.10	5.00	0.00	3.40	
547	Lê Hoàng	Triết	22120193	02/08/2004	7.40	7.10	6.30	6.90	8.90	7.30	x
548	Nguyễn Trọng	Triết	20118274	11/03/2002	7.40	5.00	8.30	8.00	6.60	7.10	x
549	Lâm Thị Tú	Trinh	20123225	13/02/2001	5.10	8.00	5.50	7.30	6.80	6.50	x
550	Bạch Trung	Trực	21111388	01/09/2003	3.90	2.50	5.00	6.50	5.00	4.60	
551	Nguyễn Văn	Trực	22138109	20/08/2004	5.70	9.60	7.90	7.10	7.30	7.50	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
552	Mai Hữu	Trọng	22129337	06/02/2004	5.20	7.50	5.30	6.50	6.00	6.10	x
553	Đỗ Hữu	Trọng	20135111	25/04/2002	7.20	6.00	5.00	8.00	7.60	6.80	x
554	Nguyễn Minh Nhật	Trường	19126209	02/03/2001	6.00	7.10	5.00	7.10	2.40	5.50	
555	Phạm Tấn	Trường	19113173	02/02/2001	4.10	7.60	5.80	7.40	5.00	6.00	
556	Hồ Quốc	Trung	21111389	10/12/2002	4.70	6.90	3.60	7.10	5.50	5.60	
557	Nguyễn Huỳnh Quốc	Trung	22124235	06/04/2004	7.40	7.50	5.00	9.00	5.60	6.90	x
558	Nguyễn Minh	Trung	20112401	12/09/2002	6.40	6.80	7.00	7.80	5.00	6.60	x
559	Phạm Mạnh	Trung	22135131	03/09/2004	7.40	6.80	5.00	8.60	9.10	7.40	x
560	Võ Nhật	Trung	22112381	29/01/2003	8.90	6.00	7.10	7.90	10.00	8.00	x
561	Cao Thụy Phương	Trúc	20124220	13/02/2002	4.40	7.60	6.90	5.50	7.00	6.30	
562	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	20123227	05/10/2002	6.50	8.30	3.80	7.80	8.40	7.00	
563	Nguyễn Thị Nhật	Trúc	20122564	13/11/2002	4.90	5.00	2.10	6.10	5.00	4.60	
564	Phan Thị Mai	Trúc	21126220	05/02/2003	6.40	5.00	3.60	9.10	6.90	6.20	
565	Trịnh Xuân	Trúc	21139196	02/12/2003	5.40	6.90	7.10	6.90	6.60	6.60	x
566	Lê Thanh	Tuấn	18113181	04/06/2000	6.60	5.00	5.60	8.10	5.00	6.10	x
567	Trương Quang	Tuấn	20154241	31/03/2002	5.70	6.10	3.10	5.60	6.30	5.40	
568	Thạch Cảnh	Tùng	18163039	30/09/2000	6.20	8.60	6.10	6.90	5.60	6.70	x
569	Trần Lâm	Tùng	19154185	11/09/2001	5.90	5.80	3.50	6.80	7.00	5.80	
570	Kim Thị Cẩm	Tú	22116104	26/02/2004	6.40	8.00	5.50	7.00	9.10	7.20	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
571	Lê Hoàng	Tuyến	21124540	28/02/2003	7.50	6.30	6.50	8.60	8.60	7.50	x
572	Hà Thị Bích	Tuyền	22112393	02/07/2004	7.90	5.80	7.50	7.30	7.10	7.10	x
573	Hồ Thị Thanh	Tuyền	22128226	18/02/2004	6.80	7.10	8.10	7.60	5.60	7.00	x
574	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	21122799	21/04/2003	5.00	5.60	5.00	9.10	5.00	5.90	x
575	Phan Thị Ngọc	Tuyết	22122447	01/11/2004	6.90	5.40	1.40	8.10	5.60	5.50	
576	Trần Thị Ánh	Tuyết	20113180	21/12/2002	4.70	6.30	1.50	7.80	5.00	5.10	
577	Phạm Nhất	Uy	20153042	27/10/2002	6.40	6.50	5.00	6.00	5.00	5.80	x
578	Lê Thị Mỹ	Uyên	22123173	16/11/2004	5.60	7.50	6.30	7.30	5.50	6.40	x
579	Nguyễn Ngọc Gia	Uyên	22120211	07/10/2004	6.80	8.90	7.60	7.40	9.30	8.00	x
580	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	21112707	01/08/2003	5.10	4.60	4.10	8.60	5.60	5.60	
581	Nguyễn Thị Phương	Uyên	22125352	19/11/2004	6.30	6.60	5.00	7.10	8.60	6.70	x
582	Nguyễn Trần Kim	Uyên	21125733	22/08/2003	7.40	8.30	3.30	7.80	6.30	6.60	
583	Trượng Thị Kim	Uyên	21123202	15/11/2002	5.00	8.10	5.50	6.80	5.00	6.10	x
584	Bùi Ngọc Hoàng	Vân	21124545	21/02/2003	7.40	5.00	6.30	8.00	6.00	6.50	x
585	Huỳnh Ngọc Thanh	Vân	22122454	22/07/2004	6.60	6.00	9.00	7.50	7.60	7.30	x
586	Huỳnh Thị Thúy	Vân	21120592	10/12/2002	6.40	7.60	6.00	9.10	5.00	6.80	x
587	Nguyễn Thanh	Vân	22120217	01/04/2004	5.50	7.10	3.50	6.80	5.00	5.60	
588	Cao Trọng	Văn	20154242	14/02/2002	4.60	7.00	3.00	8.00	0.00	4.50	
589	Lê Ngọc Tường	Vi	19155109	28/07/2001	4.70	0.00	0.00	0.00	6.40	2.20	

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
590	Nguyễn Thái	Vi	20118286	27/12/2002	6.90	9.10	8.10	7.10	5.90	7.40	x
591	Phan Lê Hoàng	Vi	21120594	16/07/2003	6.40	5.50	3.30	8.00	6.00	5.80	
592	Phan Thị Tường	Vi	21135388	25/02/2003	6.40	9.40	5.00	7.90	5.00	6.70	x
593	Trang Thị Tường	Vi	21126236	02/09/2003	7.30	9.10	6.00	7.10	6.10	7.10	x
594	Trương La	Vi	20111139	23/05/2002	5.40	6.30	3.50	6.30	5.00	5.30	
595	Trương Thị Thúy	Vi	22123175	24/03/2004	4.90	5.00	2.30	7.10	4.00	4.70	
596	Vũ Ngọc Thảo	Vi	21155182	11/12/2003	7.10	5.50	7.30	9.00	5.00	6.80	x
597	Trương Quốc	Việt	22124249	01/09/2004	7.60	5.50	2.40	9.00	7.10	6.30	
598	Bùi Quang	Vinh	20116290	07/12/2002	7.40	7.60	5.00	8.40	7.00	7.10	x
599	NGUYỄN QUANG	VINH	23139116	26/08/2001	6.90	8.40	6.10	8.40	5.00	7.00	x
600	Trần Nhựt	Vinh	21115245	14/01/2003	5.90	5.60	4.10	7.10	3.10	5.20	
601	Phạm Minh	Vĩ	22154139	27/11/2004	6.40	7.60	6.80	10.00	9.60	8.10	x
602	Ngô Quốc	Vương	20125810	18/10/2002	4.40	7.60	6.80	7.40	6.00	6.40	
603	Trần Thanh	Vững	20138060	06/01/2002	6.90	5.00	5.30	6.90	6.10	6.00	x
604	Chu Văn	Vui	21129780	28/09/2003	5.60	2.50	7.90	7.10	5.00	5.60	
605	A Lê Hoài	Vũ	20112412	15/01/2002	4.40	0.00	5.00	7.40	3.40	4.00	
606	Lê Xuân	Vũ	20124554	27/11/2001	6.40	5.00	4.00	7.50	5.50	5.70	
607	Hoàng Thúy	Vy	21124551	03/03/2003	7.80	7.50	5.30	9.00	9.10	7.70	x
608	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG	VY	23112303	30/01/2005	8.50	6.90	6.30	7.40	6.90	7.20	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
609	Lê Trương Thảo	Vy	21122816	02/01/2003	5.40	5.00	5.30	3.50	3.80	4.60	
610	Nguyễn Lê Thanh	Vy	21126583	04/04/2003	5.90	8.60	5.50	6.80	5.00	6.40	x
611	Nguyễn Lê Tường	Vy	19120259	05/03/2001	7.90	7.10	7.60	8.10	6.00	7.30	x
612	NGUYỄN THẢO	VY	23126282	16/05/2004	5.80	7.00	5.00	7.00	8.50	6.70	x
613	Nguyễn Thị Tường	Vy	20123238	19/10/2002	5.40	2.10	2.60	0.00	7.40	3.50	
614	Nguyễn Tường Mai	Vy	19115150	18/12/2001	7.60	8.90	5.50	7.40	5.90	7.10	x
615	Đoàn Phạm Thúy	Vy	19120252	13/10/2001	5.80	6.80	5.00	7.10	5.00	5.90	x
616	PHẠM NGỌC KHÁNH	VY	23112312	17/11/2005	6.30	8.00	5.00	8.50	5.00	6.60	x
617	Trần Khánh	Vy	19128218	29/08/2001	4.50	5.00	4.00	8.40	5.40	5.50	
618	Trương Khánh	Vy	22128246	18/11/2004	2.90	5.00	3.10	8.10	3.60	4.50	
619	Võ Mai Yến	Vy	21139505	19/11/2003	3.40	6.40	1.10	1.60	5.00	3.50	
620	Hoàng Hải	Yến	21120610	11/11/2003	7.90	5.00	4.00	6.30	8.10	6.30	
621	Lê Ngọc	Yến	21124278	19/11/2003	6.80	7.10	5.00	8.10	6.10	6.60	x
622	Nguyễn Hoàng	Yến	21122829	13/03/2002	5.60	6.30	3.50	8.60	5.90	6.00	
623	Nguyễn Ngọc Bảo	Yến	22128253	14/11/2004	5.90	7.60	3.60	7.90	6.10	6.20	
624	Nguyễn Thị	Yến	21120612	06/01/2003	6.90	7.60	5.00	9.10	6.10	6.90	x
625	Võ Thị Phi	Yến	19116152	08/10/2001	5.90	8.90	6.80	7.40	7.90	7.40	x
626	Hoàng Như	Y	21128183	03/01/2003	6.00	7.60	4.00	8.60	5.00	6.20	
627	Nguyễn Như	Y	21135234	19/01/2003	5.90	6.80	5.50	8.60	7.50	6.90	x

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 09 năm 2024

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
628	Nguyễn Như	Y	22128249	10/03/2004	6.50	8.50	9.50	8.00	8.50	8.20	x

TRUNG TÂM TIN HỌC